TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày 27-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hòa và bà Lê Thị Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hòa– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Thanh Hiển– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLST-HS ngày 24/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: /2023/HSST-QĐ ngày 05/12/2023 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn T- sinh ngày 30/4/1983 tại tỉnh Bình Định.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tấn C (chết)và bà Trần Thị L - sinh năm 1961; có vợ Đặng Thị T1 –s inh năm 1982 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự.

Bị cáo tại ngoại, hôm nay có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn C1 - sinh ngày 10/4/1968 tại tỉnh Bình Định.

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định

Nghề nghiệp: Nông, thu mua phế liệu; Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn C2 (chết) và bà Lê Thị T2 (chết); có vợ Nguyễn Thị D – sinh năm 1971 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự.

Bị cáo tại ngoại, hôm nay có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Thị D - sinh ngày 06/6/1971 tại tỉnh Bình Định.

Nơi cư trú: thôn H, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định

Nghề nghiệp: Nông, thu mua phế liệu; Trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); có chồng Nguyễn C1 –sinh năm 1968 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự.

Bị cáo tại ngoại, hôm nay có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Công ty Cổ phần X

Địa chỉ: Số A đường L, phường N, quận L, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Giao L1 –Giám đốc

Nơi cư trú: Số B ngách C, ngõ C đường N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ T3 – sinh năm 1969

Nơi cư trú: thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ T3 – sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt)

- Bà Đặng Thị T1 - sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định (Có mặt)

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn Y – sinh năm 1960 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định

- Ông Nguyễn Văn H1 –sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số F đường C tháng B, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

Vì thường đi thả lưới bắt cá vào ban đêm tại khu vực xã P và đi qua đoạn đường cầu vượt đường sắt thuộc thôn H - xã P - thị xã Đ - tỉnh Quảng Ngãi nên Nguyễn Văn T (SN 1983, trú tại thôn A - xã H - thị xã H - tỉnh Bình Định) thấy tại nơi đây có nhiều thanh sắt cũ (còn gọi là các thanh tà vẹt sắt) của Công ty cổ phần X (Địa chỉ số A, đường L - phường N - quận L - thành phố Hà Nội) thi công xong để tại dưới gầm cầu vượt và thuê ông Võ T3 (SN 1969, trú tại thôn H - xã P) trông giữ nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp các thành sắt tà vẹt với mục đích bán lấy tiền trang trải cho gia đình. Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 12/01/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 77Y4-1729 đi từ nhà ra đoạn cầu vượt đường sắt ở thôn H - xã P rồi đi vào khu vực dưới gầm cầu khuân trộm 03 thanh

sắt tà vẹt chất lên xe chở vào điểm thu mua phế liệu của vợ chồng Nguyễn C1 (SN: 1968) và Nguyễn Thị D (SN: 1971) ở thôn H - xã H - thị xã H - tỉnh Bình Định để bán. Biết là tài sản do Nguyễn Văn T phạm tội mà có vì thời gian bán là trong đêm và rạng sáng, tài sản là loại vật tư chuyên dụng cho ngành xây dựng cầu, đường, không phải các hàng hóa thông thường ngoài thị trường,... nhưng Nguyễn C1 và Nguyễn Thị D vì ham lợi mà vẫn thu mua, thỏa thuận giá mỗi kilogam sắt là 7.500đ, Nguyễn C1 cùng phụ T khiêng các thanh tà vẹt để lên cân, Nguyễn Thị D nhìn số cân và tính tiền đưa cho T. Tiếp tục trong khoảng thời gian từ 00 giờ đến 03 giờ ngày 13/01/2023, Nguyễn Văn T còn trộm cắp thêm 02 lần, mỗi lần chở 03 thanh sắt tà vẹt đến bán cho vợ chồng Nguyễn Chín .

Với cách thức thực hiện hành vi trộm cắp như trên, trong đêm ngày 13/01/2023 đến rạng sáng ngày 14/01/2023, Nguyễn Văn T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 09 thanh tà vẹt sắt, mỗi lần dùng xe chở 03 thanh. Đến đêm ngày 14/01/2023, Nguyễn Văn T trộm cắp thêm 02 thanh sắt tà vẹt mang đến bán cho vợ chồng Nguyễn Chín . Đêm ngày 15/01/2023, Nguyễn Văn T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 02 thanh sắt tà vẹt thì bị người dân cùng Công an xã P phát hiện, lập biên bản, tạm giữ các vật chứng liên quan.

Như vậy trong khoảng thời gian từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 01 năm 2023, Nguyễn Văn T đã trộm cắp tổng cộng 22 thanh sắt tà vẹt và bán thành công cho vợ chồng Nguyễn C1 20 thanh sắt tà vẹt, tổng khối lượng là 873,5kg, giá mua – bán là 7.500đ/kg, số tiền bán được là 5.951.250đồng.

Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 13/03/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Đ xác định giá trị của 22 thanh sắt tà vẹt mà Nguyễn Văn T đã trộm cắp trong vụ án là 6.551.250đồng.

Do đó xác định giá trị tài sản do bị cáo Nguyễn Văn T trộm cắp trong vụ án là 6.551.250đồng, giá trị tài sản do phạm tội mà có được Nguyễn C1 và Nguyễn Thị D tiêu thụ là 5.951.250đồng.

Cáo trạng số: 46/CT - VKS –ĐP ngày 17/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Truy tố các bị cáo Nguyễn C1, Nguyễn Thị D về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong 08 lần nhưng giá trị mỗi lần dưới 2.000.000 đồng và do đặc điểm tài sản phải chia ra nhiều lần vận chuyển. Như vậy bị cáo với mục đích xâm phạm sở hữu, nhưng do điều kiện hoàn cảnh khách quan nên việc bị cáo thực hiện nhiều

lần trộm cắp tàn sản với mỗi lần giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng tổng giá trị trên 2.000.000 đồng. Do đó bị cáo phạm tội trong 01 lần nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, từ trước đến nay bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Nguyễn C1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị D đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo

C3 biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự :

Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.952.000 đồng của vợ chồng Nguyễn C1, Nguyễn Thị D nộp, đây là tiền bỏ ra để thu mua tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đề nghị tịch thu sung công quy Nhà nước chiếc xe mô tô 77Y4-1729 của bị cáo T dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội.

Đề nghị trả lại số tiền 8.000.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn T, vì bị cáo đã trả lại tiền bán các thanh sắt tà vẹt cho vợ chồng bị cáo Nguyễn C1, Nguyễn Thị Dư

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn C1, Nguyễn Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Trong khoảng thời gian từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 01 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp 22 thanh sắt tà vẹt, tại khu vực dưới gầm cầu vượt đường sắt thuộc thôn H, xã P, thị xã Đ; bị cáo T đã bán được 20 thanh sắt tà vẹt cho Nguyễn C1 và Nguyễn Thị Dư .1 Các bị cáo Nguyễn C1, Nguyễn Thị D mặc dù biết rõ tài sản do Nguyễn Văn T phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nhuận nên đã tiêu thụ 20 thanh sắt tà vẹt. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp tài sản và các bị cáo Nguyễn C1, Nguyễn Thị D có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T lén lút lấy trộm tài sản của người bị hại. Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Đ xác định giá trị 22 thanh sắt tà vẹt là 6.551.250 đồng. Nên hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo Nguyễn C1, Nguyễn Thị D biết rõ tài sản do Nguyễn Văn T phạm tội mà có nhưng vì ham lợi mà vẫn tiêu thụ 20 thanh sắt tà vẹt với giá 5.951.250 đồng. Nên hành vi của các bị cáo Nguyễn C1, Nguyễn Thị D đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét bị cáo là công dân Việt Nam, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo biết rằng việc trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân mà dẫn các bị cáo vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự xã hội. Vì vậy cần xử các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Mặc dù bị cáo thực hiện nhiều lần trộm cắp từ đêm ngày 12/01/2023 đến ngày 15/01/2023 và mỗi lần đều dưới 2.000.000 đồng. Tuy nhiên vào đêm ngày 12/01/2023 đến rạng sáng ngày 13/ 01/2023 bị cáo thực hiện trộm cắp liên tiếp 09 thanh sắt tà vẹt (mỗi lần lấy 03 thanh) với tổng giá

trị trên 2.000.000 đồng và hành vi đã chấm dứt. Bị cáo tiếp tục vào đêm ngày 13/01/2023 rạng sáng ngày 14/01/2023 thực hiện trộm cắp liên tiếp 09 thanh sắt tà vẹt (mỗi lần lấy 03 thanh) với tổng giá trị trên 2.000.000 đồng. Do đó bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội là liệt sĩ; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách tại địa phương được thể hiện qua việc hiến đất làm đường để xây dựng nông thôn mới; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền để trang trải cho gia đình trong dịp Tết; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã chủ động trả lại tiền bán tài sản trộm cắp, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo là người dân lao động bình thường và có nơi cư trú rõ rừng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét tính chất, mức độ, hoàn cảnh phạm tội và nhân thân của bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo với mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ tính răn đe và giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo làm nông thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Nguyễn C1, Nguyễn Thị D: Các bị cáo biết tài sản của bị cáo T phạm tội mà có nhưng vì hám lợi nên đã nhiều lần tiêu thụ. Vì vậy các bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình các bị cáo Nguyễn C1 và Nguyễn Thị D có công cách mạng; ngoài ra các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền bỏ ra để tiêu thụ tài sản trộm cắp. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy nhân thân các bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy Hội đồng xét xử không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử bị cáo với mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Xét thấy các bị cáo thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Việc ông Võ T3 (người được thuê trông giữ các thanh sắt tà vẹt) khai mất tổng cộng 36 thanh sắt tà vẹt, thời gian bắt đầu mất từ khoảng tháng 6/2022 nhưng

không trình báo cơ quan chức năng, dù được thuê có trả tiền công nhưng việc thực hiện nhiệm vụ trông giữ tài sản của ông Võ T3 là lỏng lẽo để kẻ gian có điều kiện thực hiện hành vi trộm cắp. Căn cứ tài liệu, vật chứng đã thu thập xác định bị cáo Nguyễn Văn T chỉ trộm cắp 22 thanh sắt tà vẹt. Số lượng còn lại như khai báo của ông Võ T3 sẽ tiếp tục xác minh, xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công qũy Nhà nước chiếc xe mô tô 77Y4-1729 của bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội.

- Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn T đã hoàn trả số tiền có được do bán các thanh sắt tà vẹt cho vợ chồng bị cáo Nguyễn Chín . Vì vậy số tiền thu giữ 8.000.000đồng của bị cáo nên trả lại số tiền trên cho bị cáo. Nhưng để đảm bảo thi hành án nên tiếp tục tạm giữ số tiền trên của bị cáo.

- Đối với số tiền 5.952.000 đồng của bị cáo Nguyễn C1, Nguyễn Thị D nộp, đây là tiền bỏ ra để thu mua tài sản do người khác phạm tội mà có. Vì vậy tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[10] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn C1, Nguyễn Thị D mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét đề nghị của Viện kiểm sát đối mức án của bị cáo Nguyễn C1, Nguyễn Thị D phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với đề nghị mức án bị cáo Nguyễn Văn T và tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với các bị cáo là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã H, tỉnh Bình Định nhận được quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32, khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

2/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn C1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Xử phạt bị cáo Nguyễn C1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã H, tỉnh Bình Định nhận được quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Chín

3/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã H, tỉnh Bình Định nhận được quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị Dư

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quy Nhà nước chiếc xe mô tô 77Y4-1729 của bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2023 giữa Công an thị xã Đ và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Nhưng để đảm bảo thi hành án nên tiếp tục tạm giữ số tiền này của bị cáo.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.952.000đồng (năm triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn C1 và Nguyễn Thị D nộp.

Số tiền này hiện đang tạm giữ trong tài khoản số 3949.0.1043763.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn C1, Nguyễn Thị D mỗi bị cáo nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn C1, Nguyễn Thị D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT công an TX Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS công an TX Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Minh Kha